

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 393/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên.
- Bà Phan Thị Dòn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 945/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1983 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 04/10/2023, bản tự khai ngày 18/12/2024, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/12/2024 và ngày 18/3/2024, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 18/12/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc không có gì xảy ra. Đến năm 2021, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không còn tiếng nói chung và không hợp nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn có thể hàn gắn được nữa nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/01/2009 và Nguyễn Thanh P (nam), sinh ngày 26/03/2013. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu giao hai trẻ là Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Thanh P cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thanh V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh V xác nhận quá trình chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung, cũng không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh V đối với ông Nguyễn Tấn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Căn cứ vào các biên bản tổng đạt ngày 29/02/2024, ngày 26/03/2024 ông Nguyễn Tấn T đã trực tiếp ký nhận văn bản và căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an xã Đa Phước: “Ông Nguyễn Tấn T sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: D1, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Đang sự Nguyễn Tấn T hiện đang sinh sống cùng cha mẹ tại địa chỉ trên”. Do ông T hiện đang thực tế cư trú tại xã Đ, huyện B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn T.

- Bà Nguyễn Thị Thanh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh V.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2010, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

cấp ngày 21/12/2010 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc không có gì xảy ra. Đến năm 2021, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không còn tiếng nói chung và không hợp nhau. Bà và ông T ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Tấn T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T. Ông T đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hoặc yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy ông T đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, ông T tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh V xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Căn cứ vào Công văn số 16/UBND ngày 02/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T có nội dung như sau: *“Ủy ban nhân dân xã Đa Phước không rõ nơi cư trú, mâu thuẫn của bà V và ông T, không rõ con chung của bà V và ông T, không rõ hoàn cảnh kinh tế của bà V và ông T”*.

Xét thấy bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình

Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh V đối với ông Nguyễn Tấn T.

[3.2] *Về con chung*: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh V thì bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Phạm Văn T có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/01/2009 và Nguyễn Thanh P (nam), sinh ngày 26/03/2013. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu giao hai trẻ là Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Thanh P cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thanh V không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại 02 trẻ Nguyễn Thanh T1 và trẻ Nguyễn Thanh P đang sống cùng ông Nguyễn Tấn T tại địa chỉ D1, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét trẻ T1 và trẻ P đang sống chung với ông T, ông T đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp trẻ T1 và trẻ P. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 21/02/2024, trẻ T và trẻ P mong muốn sống chung với cha. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt. Hội đồng xét xử giao trẻ T1 và trẻ P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà V.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn T vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh V về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Nguyễn Thanh T1 và trẻ Nguyễn Thanh P cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà V yêu cầu ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh V xác định quá trình chung sống cùng ông Nguyễn Tấn T không có tài sản chung, không nợ ai.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh V đối với ông Nguyễn Tấn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2010, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Nguyễn Thanh T1 (nam), sinh ngày 18/01/2009 và Nguyễn Thanh P (nam), sinh ngày 26/03/2013 cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà V cho đến khi ông T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh V xác định không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh V xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020744 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh V đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền



